

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2018
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, xin ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp;

Bà Dương Thị Thúy Duy;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 606/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1974; Cư trú: Ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; Cư trú: Ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà P có mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn C là do tình cảm, yêu thương, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2003. Sau khi kết hôn, thì sống ở bên vợ (thuộc ấp P, xã PH). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông C thường đánh đập, chửi mắng thậm tệ. Ngoài ra, ông C còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hai người đã ly thân từ năm 2011, xét tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà P xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên: 1/ Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 27/9/1998; 2/ Nguyễn Thị Phương L1, sinh ngày 22/01/2001. Cháu L đã có gia đình, tự lập cuộc sống. Cháu L1 hiện đang chung sống với bà P, bà P có nguyện vọng nuôi dạy cháu L1 sau ly hôn và không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Các lần Tòa án triệu tập để hòa giải nhưng ông C đều vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của ông C và không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã thông báo kết quả công khai chứng cứ.

Về chứng cứ: Bà P cung cấp sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, trích lục kết hôn, giấy khai sinh các con chung. Theo yêu cầu của bà P, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, mối quan hệ tình cảm và điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu, không trình bày ý kiến bổ sung và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Văn C nhưng ông C vắng mặt lần thứ hai không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà P, kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà P với ông C là trầm trọng, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P. Về con chung, đề nghị chấp nhận theo nguyện vọng của bà P và cháu L1; đối với cháu L đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thông báo kết quả công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C đều không có mặt. Căn cứ vào các biên bản xác minh tại Công an xã PH; trình bày của bà Nguyễn Thị T thể hiện ông Nguyễn Văn C vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang. Ông C cũng biết việc bà P xin ly hôn nhưng không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Điều này cho thấy ông C đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Hôn nhân của bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Ông C cư trú xã PH, huyện A, nên yêu cầu xin ly hôn của bà P được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về mối quan hệ hôn nhân*:

Về quan hệ tình cảm: Nguyên nhân bà P xin ly hôn với ông C là do ông C có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường dùng lời lẽ xúc phạm và có hành vi bạo lực. Qua xác minh cho thấy trình bày của bà P là có căn cứ. Có chứng cứ xác định mối quan hệ tình cảm giữa bà P với ông C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và hai người đã ly thân từ năm 2011 đến nay, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Bà P và ông C có 02 con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim L đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng, nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Phương L1, sinh ngày 22/01/2001. Cháu L1 hiện đang chung sống với bà P, bà P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy và Cháu L1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà P sau khi ly hôn. Xét thấy việc giao cháu L1 cho bà P tiếp tục nuôi dạy là đảm bảo quyền và lợi ích cho cháu, nên chấp nhận theo nguyện vọng của bà P và cháu L1 là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Công nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, bà P cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của ông C hoặc cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ.

Về tài sản chung: Do bà P không yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết. Nếu ông C có tài liệu, chứng cứ có tài sản chung thì có quyền yêu cầu giải quyết. Nếu ông C có yêu cầu thì được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

[4] *Về án phí*: Bà P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà P được nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Phương L1, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2001 sau ly hôn.

Công nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010804 ngày 03/10/2017.

Án tuyên công khai vắng mặt ông C. Bà Trần Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/01/2018). Ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện A (2);
- THADS huyện A (1);
- Các đương sự (2);
- HSVA;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Sáu